

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Số: 712 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 22 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thí điểm khám sức khỏe học đường
cho học sinh tiểu học tại 20 xã biên giới, 02 trường tiểu học
thuộc thành phố Tây Ninh và huyện Gò Dầu, năm học 2018-2019**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Chỉ thị số 23/2006/CT-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác y tế trong các trường học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học;

Căn cứ Quyết định số 2362/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh về kế hoạch triển khai công tác y tế trường học giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 453/TTr-SGDĐT ngày 07 tháng 3 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này kế hoạch thí điểm khám sức khỏe học đường cho học sinh tiểu học tại 20 xã biên giới, 02 trường tiểu học thuộc thành phố Tây Ninh và huyện Gò Dầu, năm học 2018-2019.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- PCVP Nhưng;
- VHXH;
- Lưu: VT, VP ĐDBQH,
HĐND và UBND tỉnh.

(Ban hành KH khám sức khỏe học đường cho HS TI năm học 2018-2019)Sung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

ACT. CHỦ TỊCH

BM CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng

KẾ HOẠCH

**Thí điểm khám sức khỏe học đường cho học sinh tiểu học tại
20 xã biên giới, 02 trường tiểu học thuộc thành phố Tây Ninh
và huyện Gò Dầu, năm học 2018-2019**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

Để thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh và chủ động kiểm soát bệnh truyền nhiễm trong trường học, tầm soát, tư vấn và điều trị bệnh lý học đường thông qua việc tổ chức khám sức khỏe học sinh góp phần chăm sóc sức khỏe nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thí điểm khám sức khỏe học đường cho học sinh tiểu học tại 20 xã biên giới, 02 trường tiểu học thuộc thành phố Tây Ninh và huyện Gò Dầu, năm học 2018-2019 như sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Khám sức khỏe học đường là chương trình rất có ý nghĩa về mặt xã hội, góp phần nâng cao công tác y tế trường học, tầm soát bệnh và tư vấn kịp thời cho học sinh, đồng thời phù hợp chủ trương của Đảng, Nhà nước và Chính phủ trong việc chăm sóc sức khỏe trẻ em.

Việc khám sức khỏe cần được thực hiện đồng bộ giữa các trường trong tỉnh, giảm sự chênh lệch về khả năng tiếp cận với các bác sĩ chuyên khoa nhi tại các bệnh viện hàng đầu giữa những trẻ có những điều kiện sống khác nhau ở các vùng khác nhau trong tỉnh. Đồng thời, cần đẩy mạnh việc khám sức khỏe học đường nhằm từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe và tạo cơ hội phát triển bình đẳng cho trẻ em trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu

a. Mục tiêu tổng quát

Phát hiện sớm các bệnh học đường thông qua việc tầm soát, đồng thời đề ra các biện pháp can thiệp phù hợp.

b. Mục tiêu cụ thể

Tăng cường việc tầm soát, tư vấn, điều trị và đề ra các biện pháp can thiệp bệnh lý học đường thông qua việc tổ chức khám sức khỏe học sinh tiểu học trên địa bàn toàn tỉnh. Cụ thể trong năm 2019 tổ chức khám sức khỏe học đường cho tất cả học sinh các trường tiểu học thuộc 20 xã biên giới, Trường Tiểu học Trương Định – thành phố Tây Ninh và Trường Tiểu học Bàu Đồn – Gò Dầu.

- Mỗi năm ít nhất 01 lần thực hiện khám tầm soát và đề xuất giải pháp can thiệp các bệnh lý thường gặp, nhằm góp phần nâng cao sức khỏe cho lứa tuổi học sinh Việt Nam nói chung và học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Tây Ninh nói riêng.

- Xác định mô hình bệnh lý học đường của học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh và đề xuất mở rộng cho các đối tượng và lứa tuổi học sinh mầm non và đầu cấp trung học cơ sở.

- Hình thành cơ sở dữ liệu về sức khỏe, thể trạng học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Tây Ninh kết nối vào cơ sở dữ liệu chung của tỉnh.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, THỜI GIAN TRIỂN KHAI VÀ DANH MỤC KHÁM

1. Đối tượng áp dụng

- Học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 tại các trường tiểu học ở 20 xã biên giới và Trường Tiểu học Trương Định – thành phố Tây Ninh, Trường Tiểu học Bàu Đồn – Gò Dầu.

- Tổng số học sinh tiểu học thuộc 20 xã biên giới (48 trường): 15.814 học sinh, trong đó có 933 học sinh người dân tộc, 100 học sinh khuyết tật.

- Số học sinh ở 2 trường thí điểm: 1.343 học sinh, trong đó có 2 học sinh khuyết tật. *(số liệu kèm phụ lục 1 và phụ lục 3).*

2. Thời gian triển khai và danh mục khám sức khỏe học đường

a) Thời gian triển khai: Năm học 2018 – 2019.

b) Danh mục khám: Khám cơ bản và khám chuyên môn; mỗi trẻ được khám 01 lần/năm *(kèm danh mục khám sức khỏe học đường).*

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

1. Năm học 2018-2019:

- Kinh phí khám sức khỏe học đường theo kế hoạch thí điểm là: 4.289.250.000 đồng (Bốn tỷ, hai trăm tám mươi chín triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) từ nguồn ngân sách nhà nước *(kèm phụ lục 2).*

- Kinh phí hoạt động sơ kết, tổng kết; hoạt động truyền thông; đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ phụ trách, cán bộ quản lý công tác y tế trường học được trích từ kinh phí sự nghiệp năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo và từ nguồn huy động xã hội hóa.

2. Sau năm học 2018 -2019:

Ngành Giáo dục và Đào tạo đánh giá kết quả thí điểm và làm cơ sở nghiên cứu xây dựng kế hoạch khám sức khỏe năm học 2019-2020. Theo đó, sẽ nghiên cứu đối ứng một phần kinh phí từ nguồn xã hội hóa.

3. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Theo hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước. Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức đấu thầu tập trung.

IV. GIẢI PHÁP

1. Nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước

- Xử lý kết quả dữ liệu sau khám hình thành cơ sở dữ liệu về sức khỏe, thể trạng học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Tây Ninh kết nối vào cơ sở dữ liệu chung của tỉnh.

- Phối hợp giữa các ngành trong việc liên kết cơ sở dữ liệu sau khám với dữ liệu quốc gia về dân cư và dữ liệu của Ngành Y tế sau kết quả khám sức khỏe; xây dựng kế hoạch đề xuất đầu tư cơ sở vật chất khắc phục dần các bệnh lý sau khám vào nhiệm vụ năm học của các trường hằng năm.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch, nguồn kinh phí sử dụng phải hiệu quả và đúng mục đích, tránh thất thoát; tổ chức sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm hằng năm.

- Kết thúc thí điểm phải đánh giá, rà soát, sơ kết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện, đề xuất kế hoạch thực hiện giai đoạn tiếp theo ở các xã còn lại và cho đối tượng học sinh đầu cấp trung học cơ sở.

2. Giải pháp về thông tin truyền thông, giáo dục bệnh lý học đường

- Truyền thông vận động và thông tin giáo dục truyền thông tạo sự chuyển biến mạnh mẽ của các cấp chính quyền về nhận thức vai trò, tầm quan trọng của Kế hoạch thí điểm khám sức khỏe học đường cho học sinh tiểu học ở 20 xã biên giới, 02 trường tiểu học thuộc thành phố Tây Ninh và huyện Gò Dầu, năm học 2018-2019 nhằm tăng cường nguồn lực thực hiện kế hoạch.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao kiến thức về tầm quan trọng trong công tác tầm soát bệnh học lý đường đối với sự phát triển toàn diện của trẻ.

- Triển khai các hoạt động thông tin, tuyên truyền về chủ trương, ý nghĩa, mục đích của Kế hoạch thí điểm khám sức khỏe học đường cho học sinh tiểu học ở 20 xã biên giới, 02 trường tiểu học thuộc thành phố Tây Ninh và huyện Gò Dầu dưới nhiều hình thức, nội dung phong phú và đa dạng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo Tây Ninh, Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh, pano, áp phích, khẩu hiệu, băng rôn...

- Tổ chức thực hiện giáo dục sức khỏe trong hệ thống trường tiểu học, giáo dục trẻ có thói quen tốt trong sinh hoạt, biết tự chăm sóc và giữ gìn sức khỏe.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố tăng cường công tác thông tin giáo dục truyền thông, nâng cao nhận thức của cộng đồng, của cha mẹ trẻ, cán bộ quản lý, giáo viên tiểu học về tầm quan trọng của công tác y tế trường học đối với sự phát triển toàn diện về tâm vóc, thể lực và trí tuệ của trẻ em, đặc biệt công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, hạn chế các bệnh lý thường xảy ra ở độ tuổi học sinh tiểu học.

3. Giải pháp về nguồn lực

a. Bồi dưỡng năng lực đội ngũ

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ quản lý phụ trách y tế tại các trường, chủ động hướng dẫn các em học sinh phòng chống các bệnh lý thường gặp.

- Củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế làm công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe học sinh tiểu học tại trường. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành trong thực hiện nhiệm vụ y tế học đường, theo dõi, giám sát việc triển khai và đánh giá hiệu quả của kế hoạch thí điểm khám sức khỏe học đường cho học sinh tiểu học ở 20 xã biên giới, 02 trường tiểu học thuộc thành phố Tây Ninh và huyện Gò Dầu.

- Ngành Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ngành Y tế tăng cường công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, nhằm giảm thiểu các bệnh lý thường gặp đối với độ tuổi học sinh và khuyến cáo cho phụ huynh học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh về tình trạng sức khỏe con em.

b. Huy động nguồn lực tài chính

- Kinh phí thực hiện kế hoạch thí điểm khám sức khỏe học đường cho học sinh tiểu học ở 20 xã biên giới, 02 trường tiểu học thuộc thành phố Tây Ninh và huyện Gò Dầu, sử dụng 100% nguồn ngân sách Nhà nước. Các năm tiếp theo sẽ nghiên cứu đối ứng một phần kinh phí từ nguồn xã hội hóa.

- Quản lý và điều phối có hiệu quả nguồn lực tài chính, tăng cường kiểm tra giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng ngân sách.

- Tiếp tục đầu tư kinh phí, bổ sung cơ sở vật chất, mở rộng quy mô và mạng lưới giáo dục tiểu học phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của từng địa phương, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, các xã biên giới nhằm tăng tỷ lệ trẻ độ tuổi tiểu học đến lớp.

c. Giải pháp về chính sách

- Thực hiện chính sách hỗ trợ can thiệp, điều trị sau khám đối với các đối tượng con gia đình chính sách, hộ nghèo và cận nghèo, trẻ em là con gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh nghèo ở 20 xã biên giới.

- Thực hiện chính sách xã hội hóa, huy động, khuyến khích sự tham gia đối ứng sau năm học 2018-2019 của các tổ chức, đoàn thể, nhân dân tham gia vào công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ em trên địa bàn.

4. Xã hội hóa công tác y tế trường học

- Tăng cường các nguồn lực xã hội hóa để thực hiện tốt kế hoạch Thí điểm khám sức khỏe học đường cho học sinh tiểu học ở 20 xã biên giới, 02 trường tiểu học thuộc thành phố Tây Ninh và huyện Gò Dầu, năm học 2018-2019 và các năm tiếp theo từ cha mẹ học sinh, các nhà hảo tâm và các doanh nghiệp (nếu có). Đây là chương trình có tác động lớn đến phát triển của trẻ đồng thời giảm nguy cơ mắc các bệnh cho trẻ, nâng cao thể trạng người Việt Nam.

- Vận động tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ Kế hoạch thí điểm khám sức khỏe học đường cho học sinh tiểu học ở 20 xã biên giới, 02 trường tiểu học thuộc thành phố Tây Ninh và huyện Gò Dầu, năm học 2018-2019 và các xã còn lại của năm tiếp theo.

5. Kiểm tra, giám sát, tổ chức sơ kết, tổng kết

- Tổ chức thu thập số liệu trước khi tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tại các địa phương, các đơn vị trường tiểu học.

- Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo, hiệu trưởng trường tiểu học giám sát chương trình thực hiện Kế hoạch thí điểm khám sức khỏe học đường cho học sinh tiểu học ở 20 xã biên giới, 02 trường tiểu học thuộc thành phố Tây Ninh và huyện Gò Dầu, tại các đơn vị khi triển khai; kiểm tra, giám sát quy trình thực hiện; kết hợp các ngành chức năng kiểm tra, giám sát chuyên môn về kế hoạch thí điểm.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành liên quan triển khai Kế hoạch thí điểm khám sức khỏe học đường cho học sinh tiểu học ở 20 xã biên giới, 02 trường tiểu học thuộc thành phố Tây Ninh và huyện Gò Dầu.

- Đôn đốc, giám sát các đơn vị triển khai các hoạt động chuyên môn, phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng đưa tin, bài về các hoạt động của ngành giáo dục trong các hoạt động của Kế hoạch thí điểm.

- Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp việc thực hiện kế hoạch thí điểm và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Tổ chức sơ kết kế hoạch thí điểm.

- Phối hợp các sở, ngành xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý sức khỏe, thể trạng học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Tây Ninh kết nối vào cơ sở dữ liệu chung của tỉnh.

2. Sở Y tế

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các ban, ngành liên quan tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định về kế hoạch thí điểm, giám sát, đánh giá hiệu quả kế hoạch và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác thông tin giáo dục truyền thông, nâng cao nhận thức của cộng đồng, bố mẹ, người chăm sóc về tầm quan trọng của bệnh lý học đường đối với sự phát triển toàn diện về tâm vóc, thể lực và trí tuệ của trẻ em; khuyến cáo phụ huynh và học sinh tiểu học ý thức tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe học đường. Xây dựng các tài liệu truyền thông về kế hoạch thí điểm; đa dạng loại hình, phương thức truyền thông phù hợp với các nhóm đối tượng và địa bàn.

- Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ban, ngành liên quan xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý sức khỏe, thể trạng học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Tây Ninh kết nối vào cơ sở dữ liệu chung của tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Thông qua các chương trình xúc tiến thương mại, đầu tư, vận động các nguồn tài trợ trong và ngoài nước hỗ trợ nhân lực, tài lực cho kế hoạch thí điểm khám sức khỏe học đường cho học sinh tiểu học tại 20 xã biên giới, 02 trường tiểu học thuộc thành phố Tây Ninh và huyện Gò Dầu.

4. Sở Tài chính

Hàng năm căn cứ vào khả năng ngân sách và tình hình thực tế của địa phương, Sở Tài chính phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí cho phù hợp với tình hình thực tế; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

5. Các cơ quan tuyên truyền

Sở Thông tin Truyền thông, Báo Tây Ninh, Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh tổ chức tuyên truyền về kiến thức y tế học đường, vệ sinh an toàn thực phẩm và các hoạt động của kế hoạch thí điểm.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức về y tế học đường, tham gia giám sát việc thực hiện kế hoạch thí điểm khám sức khỏe học đường.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Dựa vào các chỉ tiêu hằng năm của địa phương tổ chức kiểm tra, giám sát các trường học, các đơn vị thực hiện kế hoạch, báo cáo định kỳ về UBND tỉnh tình hình thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp Sở Y tế và các Sở ngành có liên quan căn cứ kế hoạch này tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

Kế hoạch này được sửa đổi, bổ sung, thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và chỉ đạo của Bộ, ngành trung ương./. *HL*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng

**DANH MỤC KHÁM SỨC KHỎE HỌC ĐƯỜNG CHO
HỌC SINH TIỂU HỌC NĂM HỌC 2018-2019**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

STT	Danh mục khám	Loại hình	Điều kiện
I	Khám thể chất		
1	Đo cân nặng + chiều cao	Cơ bản	Đơn vị có đủ điều kiện và năng lực chuyên môn, đáp ứng các yêu cầu theo quy định về công tác y tế
2	Đo nhiệt độ + huyết áp	Cơ bản	
3	Đo nhịp tim	Cơ bản	
4	Chỉ số BMI (Body Mass Index)	Nâng cao	
II	Khám chuyên khoa Nhi (tổng quát)		
1	Tim mạch	Khám chuyên khoa	
2	Hô hấp	Khám chuyên khoa	
3	Tiêu hóa	Khám chuyên khoa	
4	Thần kinh	Khám chuyên khoa	
5	Da liễu	Khám chuyên khoa	
III	Khám chuyên khoa sâu		
1	Khám tai mũi họng	Khám chuyên khoa sâu	
2	Răng hàm mặt-xử lý nhanh các bệnh răng miệng thông thường	Khám chuyên khoa sâu	
3	Mắt (tật khúc xạ)	Khám chuyên khoa sâu	
4	Cơ xương khớp (cong vẹo cột sống)	Khám chuyên khoa sâu	
5	Khám tâm thần (rối nhiễu tâm trí, trầm cảm,...)		
6	Khám niệu (nam)	Khám chuyên khoa sâu	

PHỤ LỤC 1
THỐNG KÊ SỐ LIỆU ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE HỌC ĐƯỜNG
NĂM HỌC 2018-2019

(Học sinh tiểu học thuộc 20 xã biên giới và Trường TH Trương Định – TP
Tây Ninh, TH Bàu Đồn – Gò Dầu)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 112 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

TT	Đơn vị	Tổng số trường và dân số trong độ tuổi		Thí điểm 20 xã biên giới	
		số trường tiểu học	Dân số học sinh tiểu học (từ 6-11 tuổi)	Số trường tiểu học	Số học sinh tiểu học (từ 6-11 tuổi)
(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)
1	Tp.Tây Ninh	26	12.573	1	838
2	Hòa Thành	24	11.255	0	0
3	Trảng Bàng	35	14.495	6	1.557
4	Gò Dầu	30	12.422	1	505
5	Châu Thành	38	11.244	13	3.943
6	Dương Minh Châu	21	9.612	0	0
7	Tân Châu	31	13.054	12	4.793
8	Tân Biên	26	9.728	6	2.500
9	Bến Cầu	18	5.823	11	3.021
10	Trường Khuyết tật	1	129	0	0
Tổng cộng		250	100.355	50	17.157
Tỷ lệ số trường thí điểm		(e)/(c)		20,0%	
Tỷ lệ học sinh thí điểm		(f)/(d)			17,1%

PHỤ LỤC 2
DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 712 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

ĐVT: ngàn đồng

TT	Đơn vị	Tiểu học		Kế hoạch thực hiện thí điểm		
		Tổng số trường tiểu học	Tổng dân số trẻ học sinh tiểu học (từ 6-11 tuổi)	Số học sinh	Số tiền/học sinh	Thành tiền
1	Tp.Tây Ninh	26	12.573	838	250	209.500
2	Hòa Thành	24	11.255	0		-
3	Trảng Bàng	35	14.495	1.557	250	389.250
4	Gò Dầu	30	12.422	505	250	126.250
5	Châu Thành	38	11.244	3.943	250	985.750
6	Dương Minh Châu	21	9.612	0		-
7	Tân Châu	31	13.054	4.793	250	1.198.250
8	Tân Biên	26	9.728	2.500	250	625.000
9	Bến Cầu	18	5.823	3.021	250	755.250
10	Trường Khuyết tật	1	129	0		-
	Tổng cộng	250	100.355	17.157		4.289.250

Ghi chú: Số trường giảm 8 trường so năm học 2017-2018 do sáp nhập; số học sinh tăng 4.275 học sinh so năm học 2017-2018.

PHỤ LỤC 3
TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC THÍ ĐIỂM KHÁM SỨC KHỎE HỌC ĐƯỜNG,
NĂM HỌC 2018-2019
(Ban hành kèm theo Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

TT	Tên trường tiểu học	Xã, Phường	Lớp 1			Lớp 2			Lớp 3			Lớp 4			Lớp 5			Cộng		
			HS	D. lớp	K. lớp	HS	D. lớp	K. lớp	HS	D. lớp	K. lớp	HS	D. lớp	K. lớp	HS	D. lớp	K. lớp	HS	D. lớp	K. lớp
(1)	(2)	(4)	(9)	(11)	(12)	(13)	(15)	(16)	(17)	(19)	(20)	(21)	(23)	(24)	(25)	(27)	(28)	(29)	(31)	(32)
I	20 xã biên giới		3.766	222	37	3.012	176	18	2.677	192	16	3.269	181	13	3.090	162	16	15.814	933	100
	TRĂNG BÀNG		385	01	05	314	02	03	238			324			296	01	01	1557	04	09
1	TH Bình Thạnh	Bình Thạnh (BG)	215	1	2	180	1	3	144			183			181	1		903	3	5
2	TH Phước Chi	Phước Chi (BG)	66			54			31			62			43			256		
3	TH Hoà Bình	Phước Chi (BG)	27			23	1		25			27			24		1	126	1	1
4	TH Hưng Mỹ	Phước Chi (BG)	40			31			21			25			30			147		
5	TH Trung Lập	Phước Chi (BG)	14		2	9			7			6			7			43		2
6	TH Phước Hội	Phước Chi (BG)	23		1	17			10			21			11			82		1
	CHÂU THÀNH		921	65	01	726	48	01	692	50		845	49	02	759	43	03	3943	255	07
1	TH Biên Giới	Biên Giới	95	8		89	6		90	4		95	3		90	2		459	23	
2	TH Phạm Văn Nô	Hoà Thạnh (BG)	98	21		78	12		68	22		97	13	2	77	16	1	418	84	3
3	TH Hoà Hội	Hoà Hội (BG)	60	8		45	5		48	3		59	7		38	4		250	27	
4	TH Thành Bắc	Thành Long (BG)	68	3		45	5		51	8		55	7		51	6		270	29	
5	TH Ngô Thất Sơn	Thành Long (BG)	100	3		93	1		92	1		92	1		95			472	6	

TT	Tên trường tiểu học	Xã, Phường	Lớp 1			Lớp 2			Lớp 3			Lớp 4			Lớp 5			Cộng		
			HS	D.t.ộc	K.t.ật	HS	D.t.ộc	K.t.ật	HS	D.t.ộc	K.t.ật	HS	D.t.ộc	K.t.ật	HS	D.t.ộc	K.t.ật	HS	D.t.ộc	K.t.ật
(1)	(2)	(4)	(9)	(11)	(12)	(13)	(15)	(16)	(17)	(19)	(20)	(21)	(23)	(24)	(25)	(27)	(28)	(29)	(31)	(32)
6	TH Bến Sỏi	Thành Long (BG)	65			46	1	1	65			88			72		1	336	1	2
7	TH Bến Cừ	Ninh Diên (BG)	57	21		55	17		38	12		66	17		52	14		268	81	
8	TH Gò Nổi	Ninh Diên (BG)	76			53			46			64			44			283		
9	TH Trà Sim	Ninh Diên (BG)	33			25			25			21			19			123		
10	TH Phước Vĩnh	Phước Vĩnh (BG)	136	1		89			76			101			124	1	1	526	2	1
11	TH Phước Hoà	Phước Vĩnh (BG)	72		1	56	1		56			65	1		60			309	2	1
12	TH Phước Lộc	Phước Vĩnh (BG)	32			19			17			12			13			93		
13	TH Phước Thạnh	Phước Vĩnh (BG)	29			33			20			30			24			136		
	TÂN BIÊN		634	42	05	459	32	05	396	41	02	530	38	01	481	38		2500	191	13
1	TH Hoà Hiệp	Hoà Hiệp (BG)	73	1		75		2	50			61			55			314	1	2
2	TH Hoà Đông A	Hoà Hiệp (BG)	118	30		79	23		74	24		92	22		103	26		466	125	
3	TH Tân Bình	Tân Bình (BG)	71		3	59		1	61	1		65	2		68			324	3	4
4	TH Tân Thạnh	Tân Bình (BG)	50	1		31	1		23			41	1		44	1		189	4	
5	TH Tân Lập	Tân Lập (BG)	264	5	2	179	5	2	165	9	2	237	8	1	188	5		1033	32	7
6	TH Tân Khai	Tân Lập (BG)	58	5		36	3		23	7		34	5		23	6		174	26	
	TÂN CHÂU		1156	107	06	901	89	03	821	94	05	945	89	05	970	79	08	4793	458	27
1	TH Tân Đông A	Tân Đông (BG)	56	13		49	10		41	13	1	54	13		59	10	4	259	59	5
2	TH Tân Đông B	Tân Đông (BG)	64	34	1	58	30	1	63	36		60	30		55	29		300	159	2
3	TH Nguyễn Viết Xuân	Tân Đông (BG)	238	2	2	186	1	1	158	2	1	195	2	1	207	1	2	984	8	7
4	TH Tân Hà	Tân Hà (BG)	173	11	1	138	5		124	5		138	7	1	140	5		713	33	2
5	TH Suối Ngõ A	Suối Ngõ (BG)	64	3		33	2		40	2		48	6		38		1	223	13	1
6	Suối Ngõ B	Suối Ngõ (BG)	134	2	1	120	3	1	84	4	3	118		1	122		1	578	9	7
7	TH Suối Ngõ C	Suối Ngõ (BG)	145	4		93	1		87	2		105	2	1	117	4		547	13	1

TT	Tên trường tiểu học	Xã, Phường	Lớp 1			Lớp 2			Lớp 3			Lớp 4			Lớp 5			Cộng		
			HS	D.riệu	K.riệu	HS	D.riệu	K.riệu	HS	D.riệu	K.riệu	HS	D.riệu	K.riệu	HS	D.riệu	K.riệu	HS	D.riệu	K.riệu
(1)	(2)	(4)	(9)	(11)	(12)	(13)	(15)	(16)	(17)	(19)	(20)	(21)	(23)	(24)	(25)	(27)	(28)	(29)	(31)	(32)
8	TH Suối Ngô D	Suối Ngô (BG)	53	2	1	46	1		46	1		57		1	59	1		261	5	2
9	TH Tân Hoà A	Tân Hoà (BG)	95	2		75	4		81	5		63	2		70	6		384	19	
10	TH Tân Hoà B	Tân Hoà (BG)	21	2		21	6		23	8		18	9		19	3		102	28	
11	TH Tân Hoà C	Tân Hoà (BG)	59	27		53	26		40	15		47	18		35	17		234	103	
12	TH Bưng Bàng	Tân Hoà (BG)	54	5		29			34	1		42			49	3		208	9	
	BẾN CẦU		670	07	20	612	05	06	530	07	09	625	05	05	584	01	04	3021	25	44
1	TH Lợi Thuận A	Lợi Thuận (BG)	17		1	21			19		1	22		1	22			101		3
2	TH Lợi Thuận B	Lợi Thuận (BG)	81		2	109		1	83		3	82		1	88		3	443		10
3	TH Tiên Thuận A	Tiên Thuận (BG)	99	2	4	61		1	73	3		77	3	1	57		1	367	8	7
4	TH Tiên Thuận B	Tiên Thuận (BG)	67			63			48			52			59			289		
5	TH Tiên Thuận C	Tiên Thuận (BG)	39		6	36	1	2	38			37			45			195	1	8
6	TH Long Thuận A	Long Thuận (BG)	66	1		62	2		45			70			66			309	3	
7	TH Long Thuận B	Long Thuận (BG)	90	3	4	67			59			90	1	1	64			370	4	5
8	TH Long Thuận C	Long Thuận (BG)	42		2	39			31		1	40			37			189		3
9	TH Long Khánh A	Long Khánh (BG)	74			69		1	58		1	77		1	63			341		3
10	TH Long Khánh B	Long Khánh (BG)	44			39		1	30		3	41	1		39			193	1	4
11	TH Long Phước	Long Phước (BG)	51	1	1	46	2		46	4		37			44	1		224	8	1
II	02 trường thí điểm		312		2	280			220			271			260			1343		2

Ấn

TT	Tên trường tiểu học	Xã, Phường	Lớp 1			Lớp 2			Lớp 3			Lớp 4			Lớp 5			Cộng		
			HS	D.tộc	K.tật	HS	D.tộc	K.tật	HS	D.tộc	K.tật	HS	D.tộc	K.tật	HS	D.tộc	K.tật	HS	D.tộc	K.tật
(1)	(2)	(4)	(9)	(11)	(12)	(13)	(15)	(16)	(17)	(19)	(20)	(21)	(23)	(24)	(25)	(27)	(28)	(29)	(31)	(32)
1	TH Trương Định	Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh	206		2	186			130			164			152			838		2
2	TH Bàu Đồn	Bàu Đồn, Gò Dầu	106			94			90			107			108			505		
Tổng cộng			4.078	222	39	3.292	176	18	2.897	192	16	3.540	181	13	3.350	162	16	17.157	933	102